

Năm 1996 đã chứng kiến những dao động vốn khác thường của ngành ngân

hàng, đang thừa vốn chuyển sang thiếu vốn; lãi suất tiền gửi hạ mạnh rồi lên đột ngột. Năm 1997, một số ngân hàng lo sốt vó khi tiền gửi giảm do tâm lý. Gần đây là khủng hoảng tài chính ở Thái Lan, và 21 ngân hàng Hàn Quốc lao đao. Tất cả những điều đó cần được nghiên cứu kỹ lưỡng để hoàn thiện và tìm ra những công cụ đảm bảo an toàn cho ngành ngân hàng.

NHỮNG DAO ĐỘNG VỐN BẤT THƯỜNG VÀ NGUY CƠ CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG

VŨ NGỌC NHUNG

Để giải quyết vấn đề phải lo đến bạc đầu này của các tổng giám đốc ngân hàng, cần phải đi sâu tìm hiểu dao động vốn của các ngân hàng thương mại:

I. BA KIỂU DAO ĐỘNG VỐN

Từ năm 1987, khi có chủ trương chuyển mô hình ngân hàng một cấp sang mô hình ngân hàng hai cấp, tôi đã cùng sinh viên nghiên cứu dao động hàng ngày của nguồn tiền gửi tại nhiều chi nhánh ngân hàng. Khi thấy biểu đồ tiền gửi giảm đột ngột, tôi hỏi đồng chí giám đốc làm cách nào để giải quyết tình hình giảm tiền gửi như vậy thì được biết là có cấp trên lo. Khi đó mới tách các ngân hàng thương mại quốc doanh, nguồn vốn chủ yếu do Ngân hàng nhà nước rót xuống từ trước nên tỷ lệ tiền gửi quá nhỏ bé. Mấy năm sau các ngân hàng thương mại cổ phần thành lập nhiều nhưng đang trên đà phát triển mạnh nên tiền gửi tăng đều. Dao động tiền gửi chưa thành mối lo như đầu năm nay khi có những đợt giảm sút tiền gửi mạnh.

Tổng kết lại có thể quy vào 3 dạng dao động tiền gửi như sau:



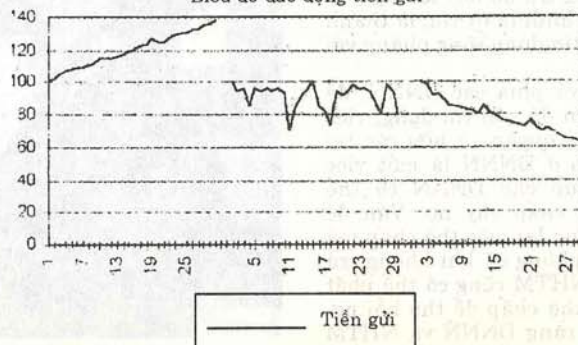
Năm 1996 ngành ngân hàng trải qua những dao động vốn bất thường: 9 tháng đầu năm là tình trạng thừa vốn, các ngân hàng thi nhau hạ lãi suất tiền gửi, có ngân hàng còn từ chối không nhận tiền gửi có kỳ hạn để khỏi bị lỗ vì nhận rồi không cho vay ra được. Tỷ lệ sử dụng tiền gửi đạt mức thấp nhất, có ngân hàng chỉ sử dụng được 50% số tiền gửi huy động được. Tháng 12, các ngân hàng cổ phần ở TP.HCM lo ngưng cho vay vì một phần tiền gửi bị hút sang ngân hàng nông nghiệp khi Sở dao dịch 2 của ngân hàng này tung ra một đợt kỳ phiếu mà lãi suất được nâng ngầm lên tới 14,2%, cao hơn cả lãi suất cho vay trần 1,25%.

Đầu năm 1997 một số ngân hàng lo sốt vó vì tâm lý rút tiền gửi nhiều của người gửi tiền như khi nghe tin vụ Minh Phụng, Epco đăng trên báo. Điều rất nguy hiểm là khi gặp tình huống như vậy, các ngân hàng chỉ được tạm rút một số nhỏ tiền gửi dự trữ bắt buộc ở Ngân hàng nhà nước. Việc vay tiền ở thị trường liên ngân hàng là hết sức khó khăn. Hầu như

chỉ có thể vay lẫn nhau bằng cách thế chấp tín phiếu kho bạc. Nhưng nguồn tín phiếu kho bạc có quá ít vì suốt năm chỉ là chuyện đấu thầu nhỏ giọt 50 tỷ cho gần 50 ngân hàng.

Tiền gửi dự trữ bắt buộc đã không được sử dụng như một dự trữ an toàn cho toàn ngành ngân hàng. Người ta đã *đóng băng* số tiền gửi dự trữ bắt buộc lại. Ngay hiểu *đóng băng* nghĩa là như thế nào, người ta cũng không muốn để trao đổi cho rõ trong một cuộc hội thảo về vấn đề này.

Biểu đồ dao động tiền gửi



1. Dao động theo chiều hướng tăng lên đều: loại này theo kiểu ở khúc đầu trong biểu đồ, thường gặp ở các ngân hàng mới mở và gặp thuận lợi trong kinh doanh. Nó làm cho phần có thể sử dụng an toàn luôn luôn tăng lên. Gặp kiểu dao động này tổng giám đốc có thể không phải lo lắng gì.

2. Dao động thất thường: loại này ở khúc giữa của biểu đồ. Nó làm cho tỷ lệ sử dụng tiền gửi ở mức thấp, hiệu quả sinh lời thấp. Theo số liệu trên biểu đồ tỷ lệ sử dụng vốn an toàn chỉ vào khoảng 70%.

3. Dao động theo chiều hướng đi xuống: theo hình ở khúc cuối biểu đồ. Nó cho thấy sự suy sụp đang diễn ra. Gặp trường hợp này chỉ có nước thu nợ dần tiền vay để trả tiền gửi. Nếu không có cách nào cải thiện tình hình thì chỉ còn con đường xin giải thể.

Liên hệ với thực tế nước ta có thể thấy những vấn đề nổi lên như sau:

II. NHỮNG NGUY CƠ TIỀM ẨN TRONG THỰC TẾ HIỆN NAY

Từ khi có Pháp lệnh Ngân hàng (1990) đến năm 1996 các ngân hàng thương mại cổ phần đều ở trong thời kỳ mới mở, lại có lãi suất cao hỗ trợ, nên số dư tiền gửi tăng liên tục. Hầu như chỉ có vài trường hợp cá biệt tổng giám đốc ngân hàng cổ phần phải đương đầu với tình trạng giảm mạnh số dư tiền gửi. Nhưng ngay khi đó đã hé thấy một số nguy cơ tiềm ẩn:

1. Tiền gửi hút từ nước ngoài làm nguồn vốn tăng nhanh quá mức: khi đó, lãi suất cao gấp nhiều lần các nước đã hút một số vốn tiền gửi do người nước ngoài chuyển vào. Nó cũng gây ra tình trạng thừa vốn ở mọi ngân hàng. Trong tình hình thừa vốn lúc đó đã tiềm ẩn nguy cơ giảm nguồn vốn mạnh sau này. Quả nhiên, sau 4 lần hạ lãi suất năm 1996, các ngân hàng đã chuyển khá đột ngột từ thừa vốn sang thiếu vốn. Liệu có phải là do số tiền gửi hút từ nước ngoài từ trước nay đã trở về quê hương của chúng không? Theo suy luận lô gích, chắc chắn đó là một nguyên nhân, nhưng con số là bao nhiêu thì chưa thống kê nghiên cứu được.

Hiện tượng không ít ngân hàng phải lo đối phó với tình hình giảm sút tiền gửi nửa đầu năm nay đã xảy ra. Nhưng các tổng giám đốc cứ ngậm tăm mà lo vì có phản ánh lên Ngân hàng nhà nước thì cũng chẳng được vay từ Ngân hàng nhà nước qua thị trường liên ngân hàng.

2. Liệu việc hạ mạnh lãi suất trần hiện nay có chứa đựng nguy cơ giảm sút nguồn vốn tín dụng? Từ 1.7.1997 lãi suất trần được hạ tới 25% từ 1,25% xuống 1%. Việc hạ lãi suất trần chỉ theo chỉ số giá cả, không tính đến thực tế khó khăn của các ngân

hàng thương mại cổ phần, đã được tiếp nhận không mấy nhiệt tình. Lý do là mọi người đều thấy tác động của nó là giảm sức hút của lãi suất tiền gửi. Nói cách khác là tăng mối lo về sự giảm tiền gửi mà chẳng cải thiện được tình hình cố thủ của ngân hàng trong hành lang pháp lý chặt hẹp làm giảm 100 tỷ dư nợ tại riêng TP.HCM.

Ngay các ngân hàng gặp khó khăn đặc biệt vẫn rất khó vay tái thế chấp tại thị trường liên ngân hàng. Như vậy là tiền gửi dự trữ bắt buộc đã không được dùng đúng ý nghĩa của nó là một khoản dự trữ an toàn cho toàn ngành ngân hàng. Đó là vấn đề cần tìm hiểu và trao đổi.

III. NÊN SỬ DỤNG TIỀN GỬI DỰ TRỮ BẮT BUỘC NHƯ THẾ NÀO ĐỂ NGỪA TRƯỚC CÁC NGUY CƠ TIỀM ẨN?

Tiền gửi dự trữ bắt buộc ra đời vào thập niên 30 của thập kỷ này sau những vụ rút tiền gửi ồ ạt ở khắp các ngân hàng làm đổ vỡ hàng loạt ngân hàng. Một số sách giáo khoa đã gọi đó là những vụ *hoảng loạn ngân hàng*. Như vậy là mục đích đầu tiên của tiền gửi dự trữ bắt buộc là thành lập một dự trữ an toàn chung cho hệ thống ngân hàng.

Sau này, có nhiều công cụ để đảm bảo an toàn tiền gửi như quỹ bảo hiểm tiền gửi, các người gửi tiền đã hiểu rõ và an tâm với hoạt động ngân hàng hơn. Các vụ rút tiền gửi ào ạt ở một ngân hàng có nguy cơ phá sản không còn lây lan dễ dàng sang các ngân hàng lành mạnh khác. Các vụ hoảng loạn ngân hàng đã không còn xảy ra gần nữa thế kỷ. Từ đó người ta chú trọng nhiều hơn tới khía cạnh điều tiết việc tạo tiền gửi của các ngân hàng thương mại của công cụ dự trữ bắt buộc.

Một số quan chức tiền tệ ở nước ta đã đi quá xa cho rằng yếu tố đảm bảo an toàn của tiền gửi dự trữ bắt buộc không còn nữa và sùng bái ý đồ đóng băng tiền gửi dự trữ bắt buộc. Vì thế họ đã không tán thành ý kiến dùng tiền gửi dự trữ bắt buộc để cho vay lại các ngân hàng thương mại khi gặp tình trạng thiếu hụt tạm thời khả năng chi trả. Đó là những lúc tổng số dư tiền gửi giảm xuống, tiền gửi đã đem đi cho vay, số còn lại đã nộp vào tiền gửi dự trữ bắt buộc ở Ngân hàng nhà nước.

Nói cho đúng, sau cuộc hội thảo về tiền gửi dự trữ bắt buộc và tỷ giá tháng 6.1995, Ngân hàng trung ương cũng đã sửa đổi cho phép các ngân hàng thương mại được rút tiền gửi dự trữ bắt buộc tạm thời trong những lúc khó khăn như vậy. Nhưng trong vòng nửa tháng lại phải gửi đủ lại mức dự trữ bắt buộc. Tính toán lại thì ngân hàng thương mại chỉ được rút 1/10 (với tỷ lệ dự trữ bắt buộc 10% hiện nay) số tiền cần thiết để giải quyết

tình hình thiếu tạm thời khả năng chi trả.

Có thể lấy ví dụ bằng con số để chứng minh ý này:

Một ngân hàng có 1000 tỷ tiền gửi, cho vay ra 800 tỷ, gửi dự trữ bắt buộc 100 tỷ, còn 100 tỷ tại quỹ để đảm bảo an toàn (đây là một tỷ lệ tồn quỹ không sinh lời hiếm có trong thực tế). Nếu tiền gửi giảm 100 tỷ là ngân hàng này rơi vào tình trạng thiếu khả năng chi trả tạm thời. Ngân hàng này có thể rút 50 tỷ tiền gửi dự trữ bắt buộc để chi trả tiền gửi và rải đều tồn quỹ cho các chi nhánh để làm yên lòng các giám đốc chi nhánh. Nhưng nửa tháng sau đến định kỳ kiểm tra mức dự trữ bắt buộc họ phải lo nộp lại 40 tỷ cho đủ mức dự trữ bắt buộc mới 90 tỷ. Như vậy thực tế chỉ được rút 1/10 của số 100 tỷ tiền gửi bị giảm sút. Liệu có thể an tâm với mức tồn quỹ mới chỉ bằng 1,1% của số dư tiền gửi mới?

Trái lại nếu ngân hàng nhà nước tổ chức loại cho vay bù đắp thiếu hụt khả năng chi trả tạm thời với điều kiện không được tăng dư nợ cho vay khi đang còn dư nợ loại cho vay này thì các ngân hàng thương mại sẽ rất yên tâm còn ngân hàng trung ương sẽ nắm bắt được diễn biến từng ngày của tình trạng thiếu khả năng chi trả tạm thời của ngân hàng này. Loại cho vay thanh toán hiện hành cũng nhằm mục đích khắc phục tình trạng thiếu khả năng thanh toán khi thanh toán bù trừ nhưng các điều kiện cho vay không chặt chẽ bằng loại cho vay bù đắp thiếu hụt khả năng chi trả tạm thời vừa đề nghị trên đây. Khi thanh toán bù trừ ngân hàng có thể bị giảm tiền gửi đột ngột nên phải có loại cho vay thanh toán. Vậy không vì lẽ gì mà giảm tiền gửi đột ngột do các nguyên nhân khác lại không được vay tiền từ Ngân hàng nhà nước?

THÔNG BÁO

Ban biên tập Tạp chí Phát triển Kinh tế kính mời bạn đọc tham gia viết bài và mua tạp chí quý IV.1997, theo các chủ đề sau:

- Tháng 10.1997: Giải pháp huy động, sử dụng vốn đầu tư.

- Tháng 11.1997: Giải pháp chống suy thoái kinh tế.

- Tháng 12.1997: Tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội

PTKT